

Số: 55/QĐ-LNTH

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 23 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả
của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương**

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch – Tài chính tại Công văn số 03/KHTC ngày 22/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng bộ phận các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. / *zu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Kiểm soát viên Công ty (giám sát)
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, KH-TC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Văn Trung

QUY CHẾ QUẢN LÝ NỢ PHẢI THU, NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRÂM HƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ-LNTH ngày 23 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả trong Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Trâm Hương; quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, theo dõi, thu hồi nợ phải thu, theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán nợ phải trả; cơ chế xử lý trách nhiệm trong trường hợp quản lý nợ, bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản hoặc phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả thành viên của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Trâm Hương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quản lý nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Trâm Hương.

Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Trâm Hương: viết tắt là Công ty.
- b) Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa: viết tắt là UBND tỉnh.

2. Giải thích từ ngữ.

a. “Nợ phải thu” là khoản nợ mà các tổ chức, cá nhân chưa thanh toán cho Công ty, bao gồm: phải thu khách hàng về tiền cung cấp dịch vụ, tiền bán hàng hoá, thành phẩm, tiền cổ tức, tiền ứng trước cho nhà thầu theo hợp đồng xây dựng chưa thu hồi, thanh toán quá khối lượng thực tế thi công của nhà thầu; các khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên (CBCNV) và các khoản phải thu khác theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp.

b. “Nợ phải trả” là một bộ phận của nguồn vốn kinh doanh mà Công ty chiếm dụng, thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty. Các khoản nợ phải trả bao gồm: nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, nợ khác; được phân theo đối tượng nợ bao gồm: Ngân sách, CBCNV, khách hàng, ngân hàng và đối tượng khác theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp và chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư trong các doanh nghiệp.

c. “Nợ tồn đọng” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán, Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được và các khoản nợ phải trả đã quá thời hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ.

d. “Nợ phải thu khó đòi” là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 06 tháng (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán, nhưng Công ty vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

e. “Nợ không có khả năng thu hồi” là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc đến thời hạn thanh toán thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

- Khách nợ là doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả, không có người kế thừa nghĩa vụ trả nợ.

- Khách nợ là cá nhân đã chết, mất tích, cá nhân còn sống nhưng không còn khả năng lao động hoặc mất năng lực hành vi dân sự, hoặc người thừa kế theo luật, nhưng không có khả năng chi trả.

- Khách nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

- Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

- Khoản chênh lệch thiệt hại được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận do bán nợ phải thu.

- Các khoản nợ phải thu mà theo dự toán chi phí đòi nợ lớn hơn giá trị khoản nợ phải thu.

- Các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên, tuy khách nợ còn tồn tại, đang hoạt động nhưng kinh doanh thua lỗ liên tục từ 03 năm trở lên và quá khó khăn, hoàn toàn không có khả năng thanh toán, Công ty đã tích cực áp dụng các biện pháp nhưng vẫn không thu được nợ.

f) “Nợ không có khả năng thanh toán” là các khoản nợ đến hạn và quá hạn mà Công ty không có khả năng trả cho chủ nợ theo đúng hợp đồng đã cam kết.

g) “Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp” là cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty (sau đây gọi tắt là Người đại diện).

h) “Kỳ hạn nợ” là khoảng thời gian mà khách hàng phải hoàn thành việc thanh toán tiền hàng, kể từ ngày chính thức nhận hàng, ghi hóa đơn.

Điều 4. Nguyên tắc về quản lý nợ và xử lý nợ

1. Các khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, biên bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trọng việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ; phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với các khoản nợ khó đòi hoặc không có khả năng trả nợ: trước hết, Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định và tự tìm mọi biện pháp xử lý thu hồi nợ, cùng chia sẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông qua các hình thức khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ, mua bán nợ; trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, Công ty phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

3. Định kỳ 06 tháng và kết thúc năm tài chính, cùng với việc lập và nộp báo cáo tài chính, báo cáo giám sát, Công ty có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý và thu hồi nợ, xử lý nợ tồn đọng, khả năng và tình hình thanh toán nợ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ NỢ PHẢI THU

Điều 5. Các khoản nợ phải thu

1. Nợ phải thu khách hàng: là khoản nợ phải thu do khách hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thanh toán (bán hàng theo phương thức thanh toán trả tiền sau có kỳ hạn).

2. Phải thu khoản trả trước cho người bán: là khoản nợ phải thu do Công ty ký kết hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cơ bản có ứng tiền trước cho người bán, nhà cung cấp.

3. Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên: là những khoản tiền tạm ứng thuộc vốn, tài sản của Công ty và Công ty có trách nhiệm phải thu hồi, phải xử lý, đó là các khoản tiền tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên của Công ty để thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (đi công tác, mua vật tư, thuê dịch vụ, vận chuyển, bốc xếp vật tư), tạm ứng tiền lương...; sau đó phải có trách nhiệm báo cáo thanh toán tạm ứng, hoàn tạm ứng.

4. Các khoản phải thu khác: tiền gửi ngân hàng, mua sổ tiết kiệm, ký quỹ, ký cược ở ngân hàng, các khoản đầu tư vốn ra bên ngoài, các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể (trong và ngoài Công ty) gây ra như mất mát, hư hỏng tài sản, tiền vốn đã được xử lý bồi thường,....

Điều 6. Trách nhiệm của Công ty trong việc quản lý nợ phải thu

1. Ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ của Công ty theo quy định pháp luật, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi các khoản nợ phải thu.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu công nợ.

3. Khi xác định là nợ phải thu khó đòi, Công ty phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Khi có phát sinh nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Công ty phải xác định rõ nguyên nhân khách quan hay chủ quan. Đối với nguyên nhân chủ quan, Công ty phải xử lý bắt bồi thường cá nhân, tập thể có liên quan; đối với nguyên nhân khách quan, Chủ tịch công ty, Ban điều hành và các phòng ban có liên quan phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận để làm cơ sở xử lý.

5. Tổng hợp báo cáo tình hình nợ phải thu theo định kỳ; bao gồm: tổng số nợ phải thu, trong đó nợ phải thu khó đòi, tình hình trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, tình hình xử lý nợ phải thu khó đòi trong kỳ báo cáo.

Điều 7. Quyền hạn của Công ty trong việc quản lý nợ phải thu

1. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn trên nguyên tắc trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định. Công ty chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ.

2. Trên cơ sở tham khảo giá của tổ chức định giá, giá thị trường (nếu có), Công ty quyết định và chịu trách nhiệm giá bán các khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới Công ty bị lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán, dẫn đến tình trạng Công ty phải giải thể, phá sản thì Chủ tịch công ty, Giám đốc và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi, phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty quyết định đối với các khoản nợ có giá trị trên sổ kế toán nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của Công ty (trừ giá trị tài sản phục vụ công ích) và giá bán nợ không thấp hơn giá trị trên sổ kế toán. Quá mức phân cấp trên, Chủ tịch Công ty phải báo cáo UBND tỉnh quyết định.

4. Công ty phải lập phương án bán nợ (trong đó có phương án sản xuất kinh doanh đối với khoản thu được khi bán nợ), so sánh với việc không bán khoản nợ để quyết định hoặc trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi thực hiện bán các khoản nợ phải thu theo quy định tại Khoản 3 Điều này (chênh lệch giảm giữa giá trị khoản nợ theo sổ kế toán với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi). Công ty có trách nhiệm tiếp tục bù đắp tổn thất (nếu có) bằng hoạt động sản xuất kinh doanh, không để thất thoát vốn của Nhà nước đã đầu tư; nếu không thực hiện, Chủ tịch công ty và Ban lãnh đạo Công ty liên đới chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật.

5. Công ty có quyền khiếu nại, khởi kiện khi không thu hồi được nợ, có quyền ủy quyền, thuê đòi nợ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi

1. Công ty đang hoạt động, các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi quy định tại điểm e, Khoản 2 Điều 3 Quy chế này, Công ty xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và được xử lý theo thứ tự như sau:

a) Đối với nguyên nhân chủ quan, thì xử lý bồi thường cá nhân, tập thể có liên quan.

b) Đối với nguyên nhân khách quan, Chủ tịch công ty, Ban điều hành Công ty và các phòng ban có liên quan phải xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xác nhận; nếu xác định các khoản nợ này có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

c) Sau khi xử lý theo điểm a và b khoản này, nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập của Công ty, tùy theo trường hợp cụ thể.

Trong trường hợp thực hiện bán nợ theo quy định của pháp luật, sau khi xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật, chênh lệch giảm giữa giá trị khoản nợ với giá bán được bù đắp bằng nguồn dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi, nếu thiếu hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trường hợp Công ty đang thực hiện chuyển đổi, các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi, sau khi xử lý một lần theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà Công ty bị lỗ thì tiếp tục xử lý theo các quy định của Nhà nước khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp. Công ty có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp theo quy định. Các cơ quan tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi tuy đã được xử lý nhưng khách nợ còn tồn tại. Trong thời gian chưa thực hiện bàn giao, Công ty vẫn có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi các khoản nợ này.

3. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý (trừ trường hợp bán nợ) nhưng khách nợ còn tồn tại thì Công ty có trách nhiệm tiếp tục theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán và trong thuyết minh báo cáo tài chính trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và có các biện pháp để thu hồi nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi được sau khi trừ đi các chi phí liên quan, Công ty được hạch toán vào thu nhập của Công ty.

4. Công ty được xử lý và hạch toán một lần các khoản nợ không thu hồi được vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm theo các quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Xử lý các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi

1. Đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng còn có khả năng thu hồi, Công ty phải tích cực đôn đốc và áp dụng mọi biện pháp để thu hồi.

2. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng trở lên còn có khả năng thu hồi, Công ty phải lập dự phòng và hạch toán vào chi phí của Công ty trong năm.

Điều 10. Xử lý các khoản nợ phải thu của Công ty liên quan đến ngân sách nhà nước

1. Các khoản được ngân sách hỗ trợ hoặc cấp bù theo quy định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa được cấp thì ngân sách cấp nào nợ, ngân sách cấp đó phải có trách nhiệm bố trí để cấp đủ cho Công ty.

2. Các khoản Công ty đã nộp thừa vào ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó phải hoàn trả cho Công ty (nếu Công ty có yêu cầu hoàn trả) hoặc trừ vào khoản nộp kỳ sau theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Các khoản nợ của Công ty do chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn để thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản thuộc các công trình, dự án được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ hoặc vốn có nguồn gốc từ ngân sách; thanh toán tiền nhượng bán tài sản, trụ sở làm việc cho các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nằm trong kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt thì các Bộ, ngành, địa phương, cấp quyết định đầu tư có trách nhiệm bố trí dự toán ngân sách để thanh toán đủ kịp thời cho Công ty theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; không yêu cầu Công ty ứng vốn thực hiện dự án khi ngân sách chưa bố trí vốn cho dự án, dẫn đến phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Các khoản ngân sách địa phương nhận trả nợ thay khi điều động tài sản của doanh nghiệp cho đơn vị sự nghiệp hoặc cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương thì địa phương phải dùng ngân sách để trả nợ Công ty.

5. Các khoản tiền của Công ty bị các cơ quan nhà nước tạm giữ trong quá trình kiểm tra, thanh tra, điều tra vụ án, sau khi có kết luận doanh nghiệp không có sai phạm hoặc không phải khắc phục hậu quả thì các cơ quan quyết định tạm giữ phải hoàn trả ngay cho Công ty trong vòng 05 ngày làm việc.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Điều 11. Các khoản nợ phải trả

1. Các khoản vay: Khi cần thiết phải vay để phục vụ hoạt động kinh doanh, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định việc vay tiền cho từng khoản vay cụ thể; việc vay tiền phải có phương án hay kế hoạch cụ thể và việc vay tiền phải đảm bảo hiệu quả sử dụng tiền vay tốt nhất từ số tiền vay, kỳ hạn, lãi suất đảm bảo tốt nhất.

2. Phải trả người bán: là khoản phải trả phát sinh do việc Công ty ký kết các hợp đồng mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, xây dựng cơ bản ... chưa trả cho người bán.

3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Thực hiện nộp đúng quy định của Luật quản lý thuế và quyết định của UBND tỉnh.

4. Các khoản phải nộp về bảo hiểm, kinh phí công đoàn: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm, pháp luật về công đoàn.

5. Khoản phải trả về tiền lương, tiền công: Thực hiện đúng Quy chế phân phối Quỹ lương của Công ty và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết.

6. Khoản phải trả về khen thưởng, phúc lợi: Thực hiện đúng quy định của Quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi do Giám đốc công ty quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm của Công ty trong việc quản lý nợ phải trả

1. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại nợ phải trả: nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán; Phân loại theo tính chất nợ như: nợ dài hạn, nợ ngắn hạn; theo dõi đầy đủ đối với các khoản cam kết bảo lãnh của Công ty. Phân tích chi tiết từng khoản nợ phải trả quá hạn. Phân công và xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thanh toán các khoản nợ phải trả.

2. Công ty được quyết định huy động vốn theo nguyên tắc tự vay, tự trả theo quy định của pháp luật. Phương án huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Trường hợp tổng số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn thì Công ty báo cáo UBND tỉnh sau khi phê duyệt phương án huy động vốn để giám sát theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, không để phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập của Công ty.

4. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình công nợ phải trả định kỳ.

Điều 13. Trách nhiệm của Công ty khi thực hiện huy động vốn

Thực hiện theo Điều 21, Chương III của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.

Điều 14. Xử lý các khoản nợ phải trả tồn đọng của Công ty

1. Xử lý các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

- Việc xử lý các khoản nợ thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

- Đối với các khoản vay, tạm ứng của ngân sách nhà nước, Công ty có trách nhiệm trả nợ cho ngân sách nhà nước theo quy định. Nếu không trả được do nguyên nhân khách quan Công ty báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý các khoản nợ Công ty vay của tổ chức tín dụng:

- Trường hợp Công ty đang hoạt động có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vay của các tổ chức tín dụng do kinh doanh thua lỗ thì xử lý nợ theo quy định của Chính phủ và pháp luật hiện hành có liên quan về xử lý nợ của tổ chức tín dụng.

- Trường hợp Công ty thực hiện chuyển đổi có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn vay của các tổ chức tín dụng do kinh doanh thua lỗ thì xử lý nợ theo quy định pháp luật hiện hành về xử lý nợ tồn đọng; chủ động phối hợp với ngân hàng chủ nợ và các tổ chức có chức năng mua bán nợ để xử lý phần nợ quá hạn theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Xử lý nợ phải trả có bảo lãnh

Tổ chức, cá nhân bảo lãnh cho Công ty vay vốn, mua trả chậm vật tư hàng hóa đã quá hạn thanh toán mà Công ty được bảo lãnh chưa trả được nợ thì tổ chức và cá nhân bảo lãnh phải trả nợ thay. Công ty được trả nợ thay có trách nhiệm nhận nợ và trả nợ với tổ chức, cá nhân đã bảo lãnh cho mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Xử lý khoản nợ Bảo hiểm xã hội

- Trường hợp Công ty thực hiện chuyển đổi, trước khi thực hiện chuyển đổi Công ty có trách nhiệm thanh toán dứt điểm khoản nợ đối với Bảo hiểm xã hội.

- Trường hợp Công ty thực hiện bán và không kế thừa nợ: được ưu tiên sử dụng tiền thu được khi thực hiện bán Công ty để thanh toán số nợ của Công ty đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Trường hợp Công ty đang hoạt động, đã thực hiện chuyển đổi, việc thanh toán các khoản nợ Bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Xử lý các khoản nợ phải trả của các tổ chức, cá nhân

- Trường hợp Công ty có quyết định chuyển đổi, trước khi thực hiện chuyển đổi phải thanh toán dứt điểm khoản nợ đến hạn, quá hạn đối với chủ nợ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài Công ty. Trường hợp Công ty có khó khăn chưa trả được nợ phải có văn bản cam kết trả nợ và được chủ nợ chấp thuận hoặc Công ty có nhu cầu huy động thêm vốn, cơ cấu lại nợ và được chủ nợ chấp thuận thì được chuyển thành cổ phần trong doanh nghiệp chuyển đổi nhưng phải đảm bảo các quy định của pháp luật về số cổ đông tối thiểu và quyền được mua cổ phần lần đầu khi Công ty cổ phần hóa.

- Trường hợp Công ty đang hoạt động, đã thực hiện chuyển đổi, việc thanh toán các khoản nợ phải trả thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ PHẢI THU, NỢ PHẢI TRẢ

Điều 15. Trách nhiệm của Chủ tịch kiêm Giám đốc

1. Ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Chỉ đạo, quản lý, điều hành thực hiện quy chế:

2.1. Đối với nợ phải thu;

a. Chỉ đạo, điều hành, quản lý và xử lý các khoản nợ phải thu theo đúng quy chế của Công ty.

b. Quyết định và chịu trách nhiệm các nội dung sau:

- Kỳ hạn nợ đối với khách hàng mua bán theo phương thức thanh toán trả tiền sau (thể hiện trong hợp đồng bán hàng).

- Mức ứng trước cho người bán, nhà cung cấp (được thể hiện cụ thể trong hợp đồng mua bán hoặc văn bản đề nghị của đối tác).

- Phê duyệt các khoản tạm ứng của cán bộ nhân viên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quy định thời hạn hoàn tạm ứng.

- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn, mua sổ tiết kiệm, ký quỹ, ký cược ở ngân hàng, các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân, tập thể gây ra như mất mát, hư hỏng tài sản, tiền vốn ...

- Quyết định các khoản đầu tư vốn ra bên ngoài theo Điều lệ Công ty và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c. Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện của Phó Giám đốc và phòng Kế hoạch – Tài chính theo dõi, đôn đốc việc quản lý, thu hồi nợ phải thu;

d. Lập Hội đồng xử lý nợ để xác định rõ các khoản nợ phải thu khó đòi, số tiền không có khả năng thu hồi, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xem xét xử lý. Căn cứ biên bản của Hội đồng xử lý nợ, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ, quyết định xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về quyết định xử lý nợ của mình. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh những tồn tại, vướng mắc trong xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được.

e. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định, để UBND tỉnh có văn bản nhắc trên 01 lần, căn cứ hậu quả của việc xử lý chậm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty thì UBND tỉnh quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật; nếu không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của chủ sở hữu tại Công ty thì phải đền bù thiệt hại bằng tài sản cá nhân.

2.2. Đối với nợ phải trả:

a. Chỉ đạo, điều hành về quản lý và xử lý nợ phải trả đúng quy chế, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đúng hạn; kịp thời chỉ đạo Công ty khắc phục những khó khăn trong thanh toán nợ.

b. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc quản lý, điều hành nợ phải trả không đúng quy chế và có trách nhiệm bồi thường khi phát sinh thiệt hại do việc quản lý, điều hành không đúng.

c. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh những tồn tại, vướng mắc trong quản lý, điều hành nợ phải trả, nếu chậm báo cáo mà để xảy ra thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường.

Điều 16. Trách nhiệm của Phó Giám đốc Công ty trong việc quản lý nợ

Thực hiện đúng theo phân công, chỉ đạo của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc trong quản lý, điều hành nợ phải thu, nợ phải trả; kịp thời báo cáo Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc những tồn tại, vướng mắc trong thực hiện; nếu thực hiện không đúng chỉ đạo hoặc báo cáo không kịp thời gây ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường.

Điều 17. Trách nhiệm của Phòng Kế hoạch – Tài chính trong việc quản lý nợ

1. Tuân thủ đúng quy chế, đúng chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty trong thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; cập nhật liên tục, kịp thời các khoản nợ phát sinh; tổ chức lưu giữ chứng từ kế toán liên quan đến các khoản nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ, đối chiếu công nợ.

3. Thực hiện thu nợ, thanh toán nợ đúng thời gian, đúng số nợ.

- Thông báo thu hồi nợ đến từng đối tượng nợ khi thời hạn cho nợ đã hết; đối với các khoản tạm ứng của cán bộ công nhân viên, đơn đốc người tạm ứng sau khi công việc đã hoàn tất phải thanh quyết toán tạm ứng.

- Phối hợp với các cá nhân, bộ phận có liên quan theo dõi, giám sát, đơn đốc thực hiện hợp đồng và tiến hành thanh lý các hợp đồng mua bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo thu hồi nợ phải thu, thanh toán nợ phải trả.

4. Kịp thời báo cáo Lãnh đạo Công ty các trường hợp phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi; xác định rõ nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, tham mưu đề xuất hướng xử lý; nếu do nguyên nhân chủ quan của nghiệp vụ mà gây ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường.

5. Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính.

6. Chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo phục vụ cho yêu cầu quản lý nợ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu quản lý, điều hành của lãnh đạo Công ty.

7. Quản lý, hạch toán kế toán nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng quy định.

8. Xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ; thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, không để phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

Kế toán trưởng là người có trách nhiệm tổ chức kế toán các khoản nợ theo chuẩn mực kế toán và theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty. Kế toán công nợ là người trực tiếp triển khai thực hiện theo sự phân công, chỉ đạo của Kế toán trưởng.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trực thuộc Công ty có liên quan trong việc quản lý nợ

1. Thủ trưởng đơn vị và phụ trách kế toán các đơn vị hạch toán phụ thuộc có trách nhiệm tuân thủ đúng quy chế này, đúng chỉ đạo của ban lãnh đạo Công ty trong thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ phát sinh tại đơn vị mình; nếu không tuân thủ đúng để xảy ra thiệt hại thì phải có trách nhiệm bồi thường.

2. Phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện đơn đốc thu hồi, thanh toán nợ.

3. Bộ phận, cá nhân tạm ứng:

- Bộ phận, cá nhân tạm ứng chỉ được chi tiêu tiền đã tạm ứng theo đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt.

- Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: tạm ứng chi phí mua vật tư, nhiên liệu, tạm ứng lương,... Định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh, cá nhân (bộ phận) tạm ứng tiền lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng để thanh toán số tiền đã chi.

- Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được lãnh đạo Công ty duyệt, cá nhân (bộ phận) thực hiện tiến hành các thủ tục tạm ứng tiền. Sau khi công việc đã hoàn tất, cá nhân (bộ phận) đã tạm ứng phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng.

- Các đối tượng có biểu hiện dây dưa công nợ thì phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới. Trường hợp dây dưa công nợ quá 01 tháng Phòng Kế hoạch - Tài chính phải báo cáo lãnh đạo Công ty để xử lý.

- Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Kế hoạch - Tài chính phải báo cáo ngay cho lãnh đạo Công ty để xử lý kịp thời.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Tất cả cán bộ, công nhân viên Công ty chấp hành nghiêm chỉnh quy chế này

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, phải kịp thời báo cáo Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc để có chủ trương, ý kiến chỉ đạo thực hiện.

3. Trong trường hợp có những quy định mới hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

4 Các quy định khác của Công ty trước đây trái với Quy chế này đều được bãi bỏ

5. Quy chế quản lý nợ có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.